

## VẤN ĐỀ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP LÀNG NGHỀ

NGUYỄN THẾ CHINH \*

### 1. Đặt vấn đề

Từ khi Việt Nam bắt đầu cải cách định hướng thị trường, mở cửa và hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế thế giới, ở nhiều làng nghề trong cả nước, các ngành nghề truyền thống được khôi phục, bảo tồn và phát triển. Nhiều ngành nghề mới cũng đã xuất hiện, đáp ứng nhu cầu hàng hoá ngày càng đa dạng cho thị trường.

Bên cạnh những mặt tích cực đạt được như đời sống người dân ở làng nghề được cải thiện đáng kể, hoạt động sản xuất cũng đã gây ra những ảnh hưởng xấu tới môi trường, sức khoẻ cộng đồng; những xung đột môi trường đã xuất hiện ở các làng nghề.

Hiện nay, nói đến làng nghề là người ta liên tưởng tới sự ô nhiễm môi trường sống tại đây. Đã có nhiều nghiên cứu nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường làng nghề. Một trong những giải pháp có tính khả thi được đưa ra là nên quy hoạch sắp xếp lại hoạt động sản xuất làng nghề, trong đó chú trọng tới xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề nhằm tập trung hoạt động sản xuất vào một khu vực riêng biệt để xử lý ô nhiễm môi trường một cách tập trung và di chuyển ô nhiễm ra xa khu vực sinh sống của dân cư.

### 2. Thực trạng ô nhiễm tại các làng nghề Việt Nam

Từ các nghiên cứu về môi trường và tác động của hoạt động sản xuất nghề tới môi trường ở các làng nghề, một số điểm cơ bản sau đây được đưa ra xem xét:

#### 2.1. Đặc thù của ô nhiễm môi trường tại các làng nghề

Ô nhiễm môi trường tại làng nghề là hình thái ô nhiễm mang tính tập trung trong một thôn, làng hay xã. Tại những khu vực này tập hợp nhiều hình thái ô nhiễm dạng điểm, thường là cơ sở sản xuất nhỏ có ảnh hưởng trực tiếp tới không gian liền kề và nằm lẫn trong khu sinh hoạt dân cư, vì vậy, có tác động trực tiếp tới sức khoẻ cộng đồng, trước hết là hộ sản xuất trực tiếp tạo ra ô nhiễm.

Ô nhiễm môi trường tại làng nghề có một đặc trưng cơ bản là phụ thuộc vào loại hình ngành nghề và loại hình sản phẩm. Những nguồn phát thải ô nhiễm tác động trực tiếp tới môi trường nước, không khí và đất đai trong khu vực sinh sống của dân cư trong làng và rìa làng. Những ví dụ sau đây minh hoạ cho đặc điểm này:

\* Phó giáo sư, tiến sĩ kinh tế, Trường khoa Kinh tế – Quản lý Môi trường và Đô thị, Đại học Kinh tế Quốc dân.

+ *Đối với làng nghề chế biến nông sản thực phẩm*, đây là ngành sử dụng nhiều nguồn nước vào quá trình sản xuất, ô nhiễm môi trường chủ yếu do nước thải. Những đo lường kỹ thuật cho thấy tại những vị trí cống chung của các làng nghề, hàm lượng BOD<sub>5</sub>, COD đều rất cao. Chẳng hạn, tại các khu vực sản xuất của làng nghề bún thôn Đoài Bắc (Bắc Ninh) hàm lượng BOD<sub>5</sub> có thể lên tới 2003mg/l; hàm lượng tổng Nitơ cũng khá cao, khoảng 145,6 mg/l. Trong cửa thoát nước thải ở làng nghề sản xuất tinh bột của huyện Hoài Đức (Hà Tây) cũng có đặc điểm tương tự.

+ *Đối với làng nghề dệt nhuộm*, ô nhiễm môi trường chủ yếu do nước thải sản xuất có hàm lượng hoá chất, thuốc nhuộm, hàm lượng COD cao. Kết quả đo lường tại các làng nghề này cho thấy, tỷ lệ trong nước thải từ 320 – 893 mg/l, gấp 3 – 8 lần tiêu chuẩn cho phép; độ màu trong nước cũng vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần, khoảng 746 Pt – Co.

+ *Đối với làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng*, ô nhiễm môi trường chủ yếu do sử dụng nhiên liệu là than, củi. Tại các làng nghề này, ô nhiễm không khí là vấn đề đáng quan tâm nhất. Khí thải thường chứa các chất ô nhiễm như SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO và bụi. Không chỉ vậy, một vấn đề đáng quan tâm trong các làng nghề này là ô nhiễm do nhiệt toả ra với nhiệt độ thường cao hơn so với khu vực khác. Kết quả quan trắc cũng cho thấy, tại các làng nghề sản xuất vật liệu xây dựng, hàm lượng SO<sub>2</sub> lên tới 0,75 mg/m<sup>3</sup>; hàm lượng bụi rất cao, đạt 2,66mg/m<sup>3</sup>, gấp 8-9 lần so với tiêu chuẩn cho phép.

+ *Tại các làng nghề thủ công mỹ nghệ*, ô nhiễm môi trường chủ yếu là môi trường không khí do phát thải chất độc hại từ đốt nhiên liệu, bụi sản xuất và vận tải trong làng, hơi dung môi hữu cơ; ngoài ra, còn gây ra ô nhiễm nguồn nước đối với những làng nghề có sử dụng dung môi hoá chất như chạm bạc, mạ, đúc đồng. Đáng lưu ý nhất là trong nguồn nước thành phần ô nhiễm có kim loại nặng rất nguy hiểm cho con người và vật nuôi. Kết quả nghiên cứu thực tế có

thể chứng minh cho những đặc thù của loại làng nghề này. Chẳng hạn, tại làng nghề gốm Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội), ô nhiễm chủ yếu là ô nhiễm không khí (khí thải độc hại CO<sub>2</sub>, bụi). Với mức ô nhiễm như những năm vừa qua, phần lớn dân ở trong khu vực làng nghề đều bị bệnh về hô hấp. Tại một số làng nghề chạm bạc như nghề chạm bạc Đồng Sâm, Thái Bình, công nghệ chạm bạc có sử dụng một lượng axit để gia công bề mặt kim loại nên trong nước thải có hàm lượng các chất độc hại cao như hàm lượng CN<sup>-</sup> là 0,75 mg/l, gấp 1,5 lần tiêu chuẩn cho phép; hàm lượng Zn<sup>2+</sup> là 4,75 mg/l, gấp 2,1 lần tiêu chuẩn cho phép. Đáng lưu ý là nước thải của các hộ sản xuất trong làng bị thải thoát rất bừa bãi ra ao hồ, mương máng quanh làng không kiểm soát được.

+ *Các làng nghề tái chế chất thải*. Việc tái chế chất thải có vai trò quan trọng trong việc thu gom các chất thải rắn, góp phần hạn chế chất thải trong môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao từ các nguồn thải. Tuy vậy, chính tại các làng nghề tái chế, ô nhiễm môi trường hết sức nghiêm trọng. Tại đây, ô nhiễm môi trường có thể thấy ở ba loại, bao gồm ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất với mức độ ô nhiễm tùy thuộc vào loại sản phẩm. Ví dụ, tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai (Như Quỳnh, Hưng Yên) ô nhiễm chủ yếu là khí thải và nước thải, chất thải rắn. Đối với làng nghề tái chế giấy như làng Dương Ổ (Bắc Ninh), ô nhiễm chủ yếu là ở môi trường nước; ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu là mùi.

+ *Đối với làng nghề tái chế kim loại như sắt, chì, nhôm*, ô nhiễm nặng nhất là môi trường không khí và môi trường nước. Tại làng nghề sản xuất giấy Dương Ổ (Bắc Ninh), trong nước thải có hàm lượng COD khoảng từ 620 – 1260 mg/l, vượt từ 2 – 12 lần so với tiêu chuẩn cho phép; hàm lượng Phenol rất cao, khoảng 0,2 mg/l, vượt tiêu chuẩn cho phép tới 10 lần. Tại làng nghề giấy Phú Lâm (Bắc Ninh) hàm lượng BOD<sub>5</sub> trong nước thải lên tới 196 – 403 mg/l và SS trong khoảng

78 – 289 mg/l. Tại một số làng nghề tái chế nhựa, nồng độ hơi khí độc hại hầu hết đều vượt tiêu chuẩn cho phép; hàm lượng bụi khoảng 0,45 – 1,33 mg/m<sup>3</sup>, vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1,5 – 4,4 lần; hàm lượng THC là 5,36 mg/l, vượt tiêu chuẩn cho phép 1,16 lần.

+ Các làng nghề khác (như làng nghề thuộc da, làng nghề dược liệu, làng nghề bông len, làng nghề giết mổ gia súc gia cầm) bị ô nhiễm môi trường cũng rất đa dạng, thuộc 3 nhóm là ô nhiễm môi trường không khí, nguồn nước và đất đai. Từ những kết quả nghiên cứu tổng hợp có thể rút ra một số nhận định chung như sau:

+ Về nước thải, các kết quả quan trắc cho thấy 100% mẫu nước thải lấy ở các làng nghề này sau khi phân tích cho kết quả đều vượt thông số tiêu chuẩn cho phép;

+ Trong khu vực làng nghề và rìa làng, nước mặt, nước ngầm đều có dấu hiệu ô nhiễm ở mức độ khác nhau;

+ Môi trường không khí thường bị ô nhiễm có tính cục bộ tại nơi trực tiếp sản xuất, đáng chú ý là ô nhiễm bụi vượt tiêu chuẩn cho phép và ô nhiễm độc hại do sử dụng các loại nhiên liệu như than, củi;

+ Về môi trường đất, đa số các làng nghề thuộc nhóm này chưa có biểu hiện ô nhiễm do hoạt động sản xuất làng nghề.

## 2.2. Ô nhiễm môi trường làng nghề và tác động tới sức khoẻ người dân

Thực tế hoạt động sản xuất hiện nay tại các làng nghề cho thấy hầu hết điều kiện lao động ở các làng nghề đều không đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu cho bảo vệ sức khoẻ người lao động như độ ồn, ánh sáng, độ rung, độ ẩm, nhiệt độ. Trang bị bảo hộ lao động hầu như không có, nếu có cũng chưa đảm bảo theo quy định của Nhà nước. Phần lớn người lao động phải chịu tác động trực tiếp của ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất gây ra.

Từ các kết quả nghiên cứu của các đề tài về sức khoẻ người dân trong các làng nghề cho thấy, các bệnh tật của người dân sống

trong vùng làng nghề thường cao hơn ở các làng thuần nông, thường là các bệnh liên quan đến đường hô hấp, đau mắt, bệnh đường ruột, bệnh ngoài da. Ví dụ như tại làng nghề tái chế chì Đông Mai (Hưng Yên), tỷ lệ người dân mắc bệnh về thần kinh khá cao, chiếm khoảng 71,1%; bệnh về đường hô hấp chiếm khoảng 65,6%. Tại làng nghề sản xuất rượu Vân Hà (Bắc Giang), tỷ lệ người mắc bệnh ngoài da là 68,5% và các bệnh về đường ruột là 58,8%. Do tính đặc thù của sản xuất trong làng nghề, một số làng nghề đã tạo ra các chất độc hại rất nguy hiểm và gây ra các bệnh mãn tính như ung thư, quái thai, nhiễm độc kim loại nặng. Nghiên cứu thực tế tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai (Như Quỳnh, Hưng Yên) cho thấy những năm gần đây tỷ lệ người mắc bệnh ung thư cao và phần lớn là những người đang ở độ tuổi sung sức.

## 3. Những nguyên nhân cơ bản gây trở ngại cho phát triển bền vững và bảo vệ môi trường trong các làng nghề

Những nghiên cứu về làng nghề ở Việt Nam đã phát hiện ra những hạn chế sau đây trong phát triển kinh tế của các làng nghề, làm cho tình trạng ô nhiễm môi trường khó được khắc phục và sự phát triển bền vững của làng nghề bị đe dọa.

### Một là, quy mô sản xuất còn nhỏ bé

Quy mô sản xuất nhỏ là hạn chế lớn nhất ở các làng nghề Việt Nam hiện nay. Sản xuất trong làng nghề phần lớn ở quy mô hộ gia đình, chiếm tới khoảng 80% tổng số cơ sở sản xuất. Sản xuất còn mang tính chất tự phát, gặp khó khăn về vốn. Do quy mô sản xuất nhỏ, không gian phát triển chật hẹp, xen kẽ với khu vực sinh sống và sinh hoạt, do vậy, nếu sản xuất càng phát triển thì nguy cơ lấn chiếm khu vực sinh hoạt càng cao, mức độ phát thải ra môi trường càng lớn, và do đó, chất lượng môi trường càng giảm sút nghiêm trọng. Nguồn vốn cho sản xuất thường được huy động từ hộ gia đình nên thường không lớn, không đủ đầu tư cho đổi mới công nghệ. Thực tế này có thể thấy

rất rõ ở xã Bát Tràng. Hiện xã này đang triển khai một dự án đưa các hộ vào cụm sản xuất tập trung. Dự kiến mỗi hộ có quy mô diện tích 500 – 600 m<sup>2</sup>, mức giá sàn dự tính 3.000.000 đồng/m<sup>2</sup>. Với mức giá này, Chủ tịch xã cho biết các hộ khó có khả năng chấp nhận, thậm chí giá 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup> vẫn còn cao so với khả năng đáp ứng của các hộ sản xuất trong làng nghề.

*Hai là, tư tưởng tư hữu, đua nhau chạy theo lợi nhuận của người chủ sản xuất nhỏ có nguồn gốc nông thôn*

Với mục đích hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh nên người dân dễ chấp nhận lựa chọn quy trình sản xuất thủ công; sử dụng nhân công có trình độ thấp với giá rẻ mạt; sẵn sàng sử dụng các nhiên liệu, nguyên liệu rẻ tiền, hoá chất độc hại, kể cả những hoá chất cấm sử dụng. Việc đầu tư phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động, điều kiện lao động rất hạn chế, thậm chí không có. Vì lợi nhuận và mục đích kinh tế trước mắt nên phần lớn người dân không quan tâm tới vấn đề ô nhiễm môi trường, chấp nhận những tác động xấu của môi trường có nguyên nhân từ quy hoạch tự phát và tồn tại cũ do tính chất của sản xuất nghề.

*Ba là, quan hệ sản xuất của làng nghề gắn bó chặt chẽ với nhiều quan hệ làng xã, dòng tộc hương ước*

Ngay cụm từ "Làng nghề truyền thống" đã phản ánh tính chất quan hệ chặt chẽ có tính lâu đời trong làng xã, dòng tộc, hương ước. Với đặc điểm này, nhiều làng nghề thường giữ bí quyết nhà nghề, họ chưa chịu đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cũng như khuyến khích sáng kiến của người lao động nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn và cải thiện môi trường.

*Bốn là, công nghệ sản xuất và thiết bị kỹ thuật còn lạc hậu*

Hiện nay, công nghệ sản xuất và thiết bị kỹ thuật ở các làng nghề phần lớn ở trình độ thủ công, lạc hậu, chấp vá dẫn tới tiêu hao nhiều nguyên nhiên liệu, do vậy, làm

tăng phát thải nhiều chất ô nhiễm vào môi trường đất, nước và không khí. Yếu kém này đã tác động tiêu cực không chỉ tới môi trường mà còn đối với chất lượng của sản phẩm, khiến giá thành sản phẩm cao, hiệu quả kinh tế thấp. Hiện nay, cạnh tranh của kinh tế thị trường đã thúc đẩy các nhà sản xuất đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật sản xuất. Tuy nhiên, việc đầu tư chỉ tập trung vào sản xuất mà chưa chú trọng đầu tư cho kỹ thuật xử lý ô nhiễm môi trường, do vậy, hầu hết các cơ sở sản xuất đều không có hệ thống xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

*Năm là, nguồn tài chính và vốn đầu tư của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề quá thấp*

Chính lý do này dẫn đến kết quả là khi có điều kiện phát triển hoặc đổi mới sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, các cơ sở sản xuất gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn. Sản xuất trong các làng nghề thường mang tính tự phát, không có kế hoạch lâu dài, rất khó huy động nguồn tài chính cũng như vốn đầu tư từ các quỹ tín dụng hay ngân hàng.

*Sáu là, chất lượng lao động còn hạn chế*

Người lao động trong các làng nghề thường có trình độ thấp, chủ yếu là lao động thủ công, văn hoá thấp, học nghề theo kinh nghiệm là chính nên có ảnh hưởng rất lớn tới công tác bảo vệ môi trường cũng như tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Một điểm hết sức lưu ý là đa phần người lao động có nguồn gốc nông dân nên chưa ý thức được về ô nhiễm môi trường lao động mà chỉ quan tâm tới thu nhập. Do lao động cho các chủ làng nghề tạo thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp hoặc bổ sung thu nhập trong những thời gian nông nhàn, nên họ không để ý tới những vấn đề ô nhiễm môi trường và ngại học hỏi.

*Bảy là, công tác quản lý môi trường tại các làng nghề còn chưa được coi trọng*

Đối với các làng nghề của Việt Nam, hiện nay hầu như chưa có quy hoạch môi trường,

chưa có chương trình quản lý giáo dục môi trường, tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết về tác động của ô nhiễm môi trường cũng như các biện pháp phòng tránh. Do vậy, các sự cố rủi ro về môi trường tại các làng nghề thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người dân làng nghề. Hiện nay, theo nghiên cứu điều tra, phần lớn các làng nghề chưa có sự gắn kết giữa các tập tục, hương ước với công tác cải thiện môi trường làng nghề.

Các chính sách về phát triển bền vững làng nghề đến nay vẫn chưa có. Mặc dù Việt Nam đã có những chính sách về phát triển kinh tế, chiến lược bảo vệ môi trường nhưng chưa được cụ thể hóa. Phần lớn các chính sách chỉ dừng lại ở tầm vĩ mô.

#### *Tóm lại, còn thiếu các giải pháp đồng bộ*

Hiện nay, vẫn còn thiếu các giải pháp đồng bộ của các cấp ngành từ trung ương đến địa phương về quy hoạch, quản lý, giáo dục cho tới các giải pháp kỹ thuật nhằm cải thiện từng bước môi trường làng nghề.

Từ những phân tích trên về thực trạng và nguồn gốc sâu xa của ô nhiễm môi trường làng nghề cho thấy, Việt Nam cần phải có một cách nhìn mới trong tổ chức và quy hoạch lại môi trường làng nghề. Một trong những giải pháp có khả năng giải quyết được những tồn tại đó là hình thành các cụm công nghiệp làng nghề.

#### **4. Một số giải pháp nhằm giải quyết mối quan hệ giữa môi trường và phát triển cụm công nghiệp làng nghề ở Việt Nam**

Trước thực tiễn, đòi hỏi bức bách giải quyết những vấn đề vướng mắc trong hoạt động sản xuất ở các làng nghề, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường, nhiều địa phương như Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội,... đã có những quy hoạch mới nhằm hình thành các cụm công nghiệp làng nghề. Một điểm khác biệt so với trước đây là cơ sở sản xuất nằm liền kề nơi sinh hoạt hiện nay nếu di chuyển ra cụm công nghiệp làng nghề mới thì ô nhiễm

môi trường đã được tách rời khỏi nơi sinh hoạt của hộ gia đình, đảm bảo môi trường sống tốt hơn cho các chủ hộ sản xuất.

Việc xử lý môi trường ở Việt Nam đến nay vẫn chưa có nhiều đổi mới. Các công nghệ và kỹ thuật sản xuất trong cụm công nghiệp làng nghề thực chất được chuyển từ trong làng nghề ra, nghĩa là di chuyển ô nhiễm một phần ra khỏi làng. Kết quả điều tra nghiên cứu ở Hà Tây cho thấy, các hộ gia đình vẫn tự xử lý ô nhiễm môi trường mà chưa có một quy chế mới nào mang tính xử lý tập trung. Phần lớn các chất thải vẫn trực tiếp thải ra môi trường. Đối với những hộ gia đình tự xử lý như ở Dương Nội (Hoài Đức, Hà Tây) tính chất tự giác của họ cũng rất hạn chế bởi vì xử lý môi trường sẽ làm cho họ phải tăng chi phí. Chính vì vậy, khi có kiểm tra thì người dân xử lý môi trường, còn khi không có kiểm tra, họ mặc nhiên thải tự do vào môi trường. Cơ sở xử lý tập trung ở cụm công nghiệp chế biến Dương Liễu (Hoài Đức, Hà Tây) thực chất là một đơn vị kinh doanh thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Xanh, đã kết hợp xử lý môi trường với sản xuất phân bón vi sinh. Ngoài ra, theo báo cáo của cán bộ huyện Hoài Đức, cụm công nghiệp An Khánh cũng đã quy hoạch và xử lý ô nhiễm môi trường tập trung.

Tuy nhiên, mâu thuẫn nổi cộm nhất vẫn là chi phí đầu tư và hình thức quản lý cho xử lý ô nhiễm, đặc biệt là những cụm công nghiệp như in nhuộm hay các cụm công nghiệp chạm bạc, tái chế nhựa... Kết quả điều tra nghiên cứu cũng cho thấy quản lý ở phần lớn địa phương đang rất bế tắc trong xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp làng nghề.

Để giải quyết mối quan hệ giữa môi trường và phát triển cụm công nghiệp làng nghề ở Việt Nam, trước hết phải làm rõ khái niệm cụm công nghiệp làng nghề. Quan niệm hiện nay ở một số địa phương cho rằng, những làng nghề đang tồn tại từ trước đến nay là cụm công nghiệp làng nghề. Trong khi đó, các nhà hoạch định chính sách lại coi việc tập trung hoạt động sản xuất của làng nghề

vào một khu vực quy hoạch mới là cụm công nghiệp làng nghề. Cả hai cách nhìn nhận đều có cơ sở của nó.

Do tính đặc thù của hoạt động sản xuất cụm công nghiệp làng nghề, giải quyết môi trường cũng phải căn cứ trên tính đặc thù đó và tính chất hoạt động nghề cũng như phát thải gây ô nhiễm môi trường do hoạt động sản xuất gây ra. Tuy nhiên, để phát triển làng nghề có tính bền vững những giải pháp cơ bản sau đây cần được xem xét.

*Thứ nhất*, việc phát triển làng nghề theo hướng công nghiệp hoá nông thôn là cách tốt nhất để phát triển ngành nghề ở nông thôn và có điều kiện để bảo vệ môi trường. Nghiên cứu của Đặng Kim Chi (2003) về kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy nên thực hiện chính sách "ba đồng thời", bao gồm từ khâu khởi đầu là quy hoạch, xây dựng xí nghiệp và bảo vệ môi trường hay "ba thông" là thông đường, thông điện và thông tin.

*Thứ hai*, cần có các chính sách thông thoáng và hợp lý của Nhà nước cho khuyến khích hình thành và phát triển cụm công nghiệp làng nghề, tạo ra những cơ sở pháp lý cần thiết cho cụm công nghiệp làng nghề phát triển, trong đó có các xí nghiệp nông thôn. Ví dụ như trường hợp cụm công nghiệp làng nghề ở Bát Tràng, xét về mặt chính sách là chưa hợp lý, vì không được sự đồng thuận của địa phương về cơ chế giá đầu thầu.

*Thứ ba*, các chính sách, quy định và tiêu chuẩn môi trường phải đồng bộ và có hiệu lực pháp lý. Thực tế hiện nay những chính sách môi trường cũng như các quy định, tiêu chuẩn còn nhiều bất cập, tính hiệu lực kém.

*Thứ tư*, cần tăng cường năng lực cho các cán bộ cấp cơ sở, đặc biệt là cán bộ chủ chốt cấp huyện và cấp xã. Do không có kiến thức về quản lý môi trường nên họ rất bị động trong việc quản lý cũng như thực thi những chính sách luật pháp và tiêu chuẩn môi trường.

*Thứ năm*, các chủ hộ sản xuất kinh doanh cũng cần được nâng cao nhận thức về luật

pháp, quy định, tiêu chuẩn môi trường cũng như những tác hại do ô nhiễm môi trường gây ra cho sức khoẻ con người và xã hội. Đối với những đối tượng này cần phải được trang bị những kiến thức có tính sát thực với họ.

*Cuối cùng*, cụm công nghiệp cần được xử lý môi trường một cách tập trung; hạn chế tối đa việc các chủ hộ tự xử lý chất thải. Làm được như vậy sẽ giảm được giá thành và quản lý được chất thải nhưng đồng thời cũng có những cơ chế phù hợp cho quản lý hiệu quả về kinh tế và môi trường. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của UBND xã Bát Tràng (ngày 6/12/2004). "Thực trạng phát triển và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ ở làng nghề Bát Tràng"
2. Báo cáo số 03/BC-UB của UBND huyện Hoài Đức (ngày 09/01/2003). "Tình hình 2 năm thực hiện Nghị quyết số 16NQ/HĐ ngày 16/1/2001 của HĐND huyện về phát triển công nghiệp đến năm 2005".
3. Báo cáo số 53/BC-UB của UBND huyện Hoài Đức (ngày 09/06/2004). "Tình hình phát triển công nghiệp – TTCN huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây".
4. Đặng Kim Chi (2003), "Hiện trạng Kinh tế – xã hội và môi trường của làng nghề Việt Nam những tồn tại đối với quá trình phát triển làng nghề bền vững".
5. Khánh Chi (2004), "Phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường: Bài toán khó đối với Nha Xá". Tạp chí *Bảo vệ môi trường* (Bộ Tài nguyên và Môi trường) số 58+59/3+4 – 2004.
6. Minh Tâm (2004), "Làng nghề Việt Yên trước thách thức môi trường", Tạp chí *Bảo vệ môi trường* (Bộ Tài nguyên và Môi trường) số 60/5 – 2004.
7. Nguyễn Thế Chinh (2004), Báo cáo chuyên đề đề tài KC.08.02 "Đánh giá hiệu quả Kinh tế-xã hội của một số giải pháp bảo vệ môi trường theo quy hoạch môi trường". Hà Nội.
8. Phạm Trung Hiền (2004), "Hiện trạng ô nhiễm môi trường ở làng nghề Bông len – Trát Cầu", Tạp chí *Bảo vệ môi trường* (Bộ Tài nguyên và Môi trường) số 56+57/1+2 – 2004.